

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST
Ngày 16-6-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Hồng Diễm Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Bà Nguyễn Kim Lý.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa:***
Bà Phạm Thị Triều Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 61/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐXX-ST ngày 06 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị Mỹ H, sinh năm 1996; địa chỉ thường trú: Khu phố 3A, phường T, thị xã B, tỉnh B. Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lâm Tấn B, sinh năm 1994; địa chỉ thường trú: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh B; địa chỉ tạm trú: Khu phố 3A, phường T, thị xã B, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2021 và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Dương Thị Mỹ H trình bày:

Bà H và ông B là vợ chồng, chung sống và đăng ký kết hôn năm 2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 106 do Ủy ban nhân dân phường T, thị xã B, tỉnh B cấp ngày 18/8/2015.

Thời gian đầu chung sống vợ chồng yêu thương, quan tâm lo lắng cho nhau, cuộc sống gia đình đầm ấm, hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian gần đây, vợ

chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Ông B đã không còn chung sống như vợ chồng với bà H từ tháng 4/2020 cho đến nay. Quá trình chung sống ông B không cấp dưỡng tiền nuôi con chung và cũng không quan tâm chăm sóc con chung. Bà H nhiều lần trực tiếp trao đổi với ông B về các vấn đề làm phát sinh mâu thuẫn trong quá trình chung sống để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Ông B không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình, vẫn không quan tâm chăm sóc vợ con. Hiện nay, bà H nhận thấy không còn tình cảm với ông B, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà H, ông B có 01 con chung là Lâm Ái V, sinh ngày 24/9/2015. Sau khi ly hôn, bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V. Bà H không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi cháu V, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lâm Tân B: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ đối với ông B nhưng ông B vẫn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án. Ông B không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Tại phiên tòa:

Bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không giao nộp thêm chứng cứ cho Tòa án. Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không đến tham gia phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy tình cảm vợ chồng của bà H, ông B mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện về ly hôn của bà H có cơ sở chấp nhận. Do hiện nay con chung Lâm Ái V đang sinh sống với bà H, bà H có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V nên giao cháu V cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Những yêu cầu, kiến nghị đề khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Do bị đơn có nơi cư trú tại khu phố 3A, phường T, thị xã B, tỉnh B nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương (quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến quyền nhân thân nên thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện (quy định tại Điều 39, khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Dân sự).

[2] Ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt ông B, bà H.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

Về hôn nhân: Bà H, ông B chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận. Bà H nộp đơn yêu cầu ly hôn do tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Ông B không cấp dưỡng tiền nuôi con chung và cũng không quan tâm chăm sóc vợ con. Ông B không đến Tòa án trình bày ý kiến, phản bác ý kiến và chứng cứ của bà H, do đó ý kiến và chứng cứ của bà H thuộc trường hợp tình tiết không cần phải chứng minh quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, qua lời khai của bà H và chứng cứ do bà H giao nộp, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn tình cảm giữa bà H, ông B là có thật, hiện tại bà H, ông B đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2020 đến nay, nền tảng một gia đình hạnh phúc không có. Tòa án thông báo cho ông B đến H giải, hàn gắn tình cảm, ông B không đến. Chứng tỏ ông B cũng không còn tình cảm với bà H, không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án, bà H vẫn cương quyết ly hôn với ông B. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà H, ông B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà H và ông B có 01 con chung tên Lâm Ái V, sinh ngày 24/9/2015. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V. Xét thấy, quá trình giải quyết, ông B không hợp tác, không đến Tòa án làm việc, Tòa án không tiếp cận, lấy được ý kiến của ông B về việc xem xét nguyện vọng nuôi con chung của ông B như thế nào. Qua xác minh thể hiện hiện nay cháu V đang chung sống cùng bà H, bà H là người trực tiếp nuôi

đưỡng chăm sóc cháu V. Ông B đã được Tòa án thông báo kết quả mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng không có ý kiến tranh chấp gì về việc nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao cháu Lâm Ái V, sinh ngày 24/9/2015 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không tranh chấp nên không đặt ra xem xét.

[4] Từ những phân tích, nhận định trên, xét thấy ý kiến phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà H phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, các điều 227, 228, 266, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 39, khoản 1 Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Mỹ H đối với bị đơn ông Lâm Tấn B về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

- Về hôn nhân: Bà Dương Thị Mỹ H được ly hôn ông Lâm Tấn B.

- Về con chung: Giao con chung Lâm Ái V, sinh ngày 24/9/2015 cho bà Dương Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không bị ai cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình: Bà H nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0054306 ngày 02/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THA dân sự thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hồng Diễm Phúc